

Số: 1864 /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 03 tháng 7 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đề án Lâm sản ngoài gỗ tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn  
2016 - 2025, định hướng đến năm 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng số 29/2004/QH11 ngày 03/12/2004;

Căn cứ Quyết định số 892/QĐ-UBND ngày 12/4/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động năm 2016 - Chương trình UN-REDD Việt Nam giai đoạn II, tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 1491/QĐ-UBND ngày 09/6/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch hành động "Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các bon từ rừng" tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định 607/QĐ-UBND ngày 03/3/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch Bảo vệ phát triển rừng tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1046/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch chi tiết các hoạt động năm 2017 - Chương trình UN-REDD Việt Nam giai đoạn II, tỉnh Hà Tĩnh;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 349/TTr-SNN ngày 22/6/2017 về việc phê duyệt Đề án Lâm sản ngoài gỗ tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016 - 2025, định hướng đến năm 2030,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án Lâm sản ngoài gỗ tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016 - 2025, định hướng đến năm 2030, với các nội dung chủ yếu như sau:

**I. Mục tiêu**

**1. Mục tiêu chung**

- Bảo tồn và phát triển các loài Lâm sản ngoài gỗ, hạn chế mất rừng, suy thoái tài nguyên rừng và các hệ sinh thái rừng.

- Phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên Lâm sản ngoài gỗ, giảm áp lực vào rừng tự nhiên, tạo cơ hội thu nhập từ Lâm sản ngoài gỗ với chu kỳ kinh

doanh ngắn, giá trị kinh tế cao; đồng thời lồng ghép các dự án bảo tồn, phát triển Lâm sản ngoài gỗ với Kế hoạch hành động REDD<sup>+</sup> tỉnh Hà Tĩnh.

- Gắn các Chương trình, dự án phát triển Lâm sản ngoài gỗ vào chương trình phát triển ngành nghề nông thôn, góp phần thực hiện Tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp bền vững, xây dựng Nông thôn mới.

- Nâng cao năng lực, nhận thức của người dân và cộng đồng về bảo tồn và phát triển Lâm sản ngoài gỗ.

## **2. Mục tiêu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

### *a. Bảo tồn*

- Bảo vệ các loài Lâm sản ngoài gỗ quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng, đặc biệt ở Khu bảo tồn thiên nhiên Kẻ Gỗ và Vườn quốc gia Vũ Quang.

- Bảo tồn gắn với phát triển những loài Lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế cao, hạn chế suy thoái tài nguyên.

- Đẩy mạnh hoạt động kiểm tra, kiểm soát, ngăn chặn, xử lý các hành vi khai thác, vận chuyển, buôn bán, tàng trữ, chế biến Lâm sản ngoài gỗ trái phép.

- Nâng cao năng lực, nhận thức của người dân và cộng đồng về bảo tồn và phát triển Lâm sản ngoài gỗ.

### *b. Phát triển*

- Phấn đấu đưa diện tích gây trồng, tái tạo Lâm sản ngoài gỗ từ 22.149 ha lên khoảng 25.949 ha vào năm 2025 và đạt khoảng 32.074 ha vào năm 2030.

- Đưa giá trị kim ngạch xuất khẩu từ 65 triệu USD lên khoảng 90 triệu USD vào năm 2025 và đạt khoảng 130 triệu USD vào năm 2030.

- Thu hút 10.000 - 15.000 lao động, thu nhập từ Lâm sản ngoài gỗ đạt 10-15% trong kinh tế hộ gia đình, góp phần xoá đói giảm nghèo ở vùng nông thôn miền núi.

## **II. Nhiệm vụ**

### **1. Xây dựng và ban hành Kế hoạch phát triển Lâm sản ngoài gỗ**

- Xây dựng, ban hành Kế hoạch phát triển các loài cây Lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng trên địa bàn tỉnh, hình thành những mô hình kinh doanh có hiệu quả kinh tế cao.

- Mở rộng diện tích gây trồng các loài cây Lâm sản ngoài gỗ có giá trị cao, như: Dó trăm, Mây nếp, Ba kích, Khôi tía và một số loài cây dược liệu khác, gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

- Lựa chọn một số loài cây có giá trị kinh tế cao gắn với nghiên cứu khoa học, bảo tồn và phát triển, như: Lá Khôi tía, Mây nếp, Quế, Song bột... Khuyến khích bảo tồn và phát triển dựa trên các kiến thức bản địa của cộng đồng về Lâm sản ngoài gỗ.

### **2. Phát triển sản xuất**

- Triển khai các hoạt động nhằm xúc tiến tái sinh Lâm sản ngoài gỗ trong rừng tự nhiên, rừng trồng trên đối tượng đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ.

- Quản lý chặt chẽ việc khai thác, tận dụng, gắn khai thác với bảo quản và chế biến.

- Phát triển một số cơ sở gây nuôi các loài động vật rừng theo đúng Công ước CITES và Luật Bảo vệ phát triển rừng.

- Mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước bằng việc đẩy mạnh xúc tiến thương mại - thị trường. Xây dựng chuỗi giá trị một số sản phẩm Lâm sản ngoài gỗ theo hướng sản xuất hàng hóa: Nhựa thông, mây tre đan, sản phẩm từ cây dó trầm và một số cây dược liệu có số lượng lớn, giá trị kinh tế cao.

- Xây dựng một số mô hình phát triển sản xuất Lâm sản ngoài gỗ.

### **3. Các tiêu Chương trình thực hiện Đề án.**

#### **3.1. Chương trình sản xuất Lâm sản ngoài gỗ.**

##### *a. Các hoạt động*

- Gây trồng một số loài Lâm sản ngoài gỗ có thế mạnh:

+ Dó trầm 800 ha (mỗi năm trồng 89,0 ha, tương đương 142.400 cây), trồng phân tán, trên diện tích vườn hộ, vườn rừng.

+ Dẻ ăn quả 500 ha (mỗi năm trồng 56,0 ha), tái tạo lại rừng trên diện tích bị mất trồng phân tán, tập trung, chủ yếu trên diện tích vườn hộ, vườn rừng.

+ Mây nếp 300 ha (mỗi năm trồng 33,0 ha), trồng dưới tán rừng (chủ yếu là rừng nghèo, đất rừng sản xuất), vườn rừng, vườn hộ.

+ Mây tât 300 ha (Mỗi năm trồng 33,0 ha), trồng dưới tán rừng (chủ yếu là rừng nghèo, đất rừng sản xuất), vườn rừng, vườn hộ.

+ Cây dược liệu, thực phẩm 1.900 ha, trồng những loài chủ đạo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh cho giá trị kinh tế cao: Sa nhân 500 ha, Ba kích 300 ha, Trám 300 ha, Gừng 200 ha, Xạ hương 100 ha, các loài khác 500 ha. Trồng dưới tán rừng, vườn rừng, vườn hộ và những vùng đất trống, đồi núi trọc.

- Phát triển các cơ sở gây nuôi sinh sản động vật được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật và có nhu cầu tiêu thụ trên thị trường:

+ Hươu sao 40.000 con, chủ yếu gây nuôi phân tán ở các hộ dân, và nuôi tập trung tại một số cơ sở, doanh nghiệp.

+ Lợn rừng 3.000 con, chủ yếu gây nuôi tập trung tại một số cơ sở, doanh nghiệp.

+ Rắn ráo trâu 1.500 con, gây nuôi tập trung tại một số cơ sở, doanh nghiệp.

##### *b. Kinh phí thực hiện*

Tổng kinh phí cho các hoạt động: 397.968 triệu đồng; nguồn vốn để thực hiện chủ yếu được huy động từ các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở và các hộ dân.

### **3.2. Chương trình về bảo tồn Lâm sản ngoài gỗ**

#### **a. Các hoạt động**

- Điều tra đánh giá hiện trạng Lâm sản ngoài gỗ quý hiếm hiện có cần bảo tồn tại Khu bảo tồn thiên nhiên Kê Gỗ, Vườn Quốc gia Vũ Quang và các khu rừng phòng hộ khác.

- Xây dựng bản đồ quy hoạch về bảo tồn một số loài Lâm sản ngoài gỗ quý hiếm.

- Xây dựng phương án bảo vệ nghiêm ngặt để hạn chế và đi đến chấm dứt tình trạng khai thác buôn bán Lâm sản ngoài gỗ trái phép.

- Xây dựng các hình thức quản lý, bảo tồn Lâm sản ngoài gỗ ở các chủ thể quản lý rừng khác nhau.

#### **b. Kinh phí thực hiện**

Tổng kinh phí cho các hoạt động: 1.500 triệu đồng; nguồn vốn để thực hiện do ngân sách Nhà nước đầu tư 5%, nguồn vốn ODA 30% và tổ chức, doanh nghiệp đầu tư 65%.

### **3.3. Chương trình chế biến, thương mại và thị trường**

#### **a. Các hoạt động**

- Quy hoạch các làng nghề gắn với vùng nguyên liệu.

- Thành lập hiệp hội ngành nghề, tăng cường xúc tiến thương mại quảng bá sản phẩm.

- Tăng cường năng lực tiếp thị Lâm sản ngoài gỗ cho cộng đồng.

- Dự báo nhu cầu một số loài Lâm sản ngoài gỗ chủ yếu của tỉnh.

- Xây dựng chiến lược quảng bá, tiếp thị sản phẩm, đăng ký thương hiệu Lâm sản ngoài gỗ.

#### **b. Kinh phí thực hiện**

Tổng kinh phí cho các hoạt động: 3.450 triệu đồng; nguồn vốn để thực hiện một phần do ngân sách Nhà nước đầu tư, nguồn vốn ODA và tổ chức, doanh nghiệp đầu tư.

### **3.4. Chương trình nghiên cứu, đào tạo và khuyến lâm**

#### **a. Các hoạt động**

- Tập huấn nghiệp vụ quản lý bảo vệ Lâm sản ngoài gỗ cho đội ngũ cán bộ kiểm lâm, lâm nghiệp các cấp từ tỉnh đến huyện, xã: Tổ chức 01 lớp tập huấn cấp tỉnh và 13 lớp cấp huyện/thị.

- Xây dựng mô hình nuôi trồng, chế biến và bảo quản một số loài Lâm sản ngoài gỗ, quảng bá nhân rộng mô hình: Xây dựng 04 mô hình/04 loài Lâm sản ngoài gỗ điển hình.

- Nghiên cứu ứng dụng về nhân giống, nuôi trồng một số loài Lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế cao đang có nguy cơ giảm về số lượng và chất lượng loài: Xây dựng 03 đề tài ứng dụng.

- Tổ chức hội thảo khoa học về bảo vệ và phát triển những loài Lâm sản ngoài gỗ chính yếu: Tổ chức 04 hội thảo cấp tỉnh về một số loài Lâm sản ngoài gỗ chủ yếu.

- Tổ chức tham quan học tập mô hình trong và ngoài tỉnh. Tuyên truyền các thông tin, chủ trương chính sách, kỹ thuật trên phương tiện thông tin đại chúng: Tổ chức 12 chuyến tham quan nội tỉnh và 03 chuyến tham quan ngoại tỉnh.

#### *b. Kinh phí thực hiện*

Tổng kinh phí cho các hoạt động: 3.000 triệu đồng; nguồn vốn để thực hiện phần lớn sử dụng nguồn vốn ODA và các tổ chức/doanh nghiệp; Hộ gia đình góp vốn trong việc xây dựng mô hình và tham quan, học tập.

### **3.5. Chương trình chính sách và thể chế**

#### *a. Các hoạt động*

Ban hành các chính sách nhằm khuyến khích nuôi trồng, chế biến, tiêu thụ và hưởng lợi về Lâm sản ngoài gỗ như: Chính sách hỗ trợ giống, vật tư, chính sách ưu tiên phát triển các làng nghề truyền thống có sử dụng Lâm sản ngoài gỗ, chính sách giao đất, cho thuê đất, giao rừng; chính sách tín dụng, thuế; chính sách khuyến lâm; chính sách liên kết, khai thác, lưu thông và tiêu thụ sản phẩm...

#### *b. Kinh phí thực hiện*

Tổng kinh phí cho các hoạt động: 150 triệu đồng; nguồn vốn để thực hiện Ngân sách Nhà nước đầu tư và nguồn vốn ODA.

*(Chi tiết có các Phụ biểu kèm theo)*

## **III. Giải pháp**

### **1. Giải pháp về quy hoạch, kế hoạch**

- Tổ chức quy hoạch các vùng Lâm sản ngoài gỗ, phát triển theo hai loại hình: Tập trung và phân tán. Xây dựng các khu rừng LSNG tập trung ở những nơi có diện tích lớn, điều kiện thổ nhưỡng phù hợp, liên vùng thuận lợi cho quản lý và tổ chức tiêu thụ, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng, ưu tiên trồng mới các loài đa tác dụng, giá trị kinh tế cao. Những nơi không có điều kiện phát triển Lâm sản ngoài gỗ tập trung, trồng các loại cây phân tán, tận dụng tối đa quỹ đất trong các vườn hộ, trong khu ở dân cư cho việc trồng mới Lâm sản ngoài gỗ. Trước mắt, xây dựng một số mô hình phát triển Lâm sản ngoài gỗ sau đó mới nhân rộng.

- Tiến hành điều tra, thống kê, đánh giá chi tiết về đặc điểm sinh thái, sinh vật học của từng loài Lâm sản ngoài gỗ, đánh giá mức độ phong phú, trữ lượng các loài có giá trị kinh tế; tình hình diễn biến tài nguyên Lâm sản ngoài gỗ, nhất là các loài đặc hữu có giá trị đặc biệt về kinh tế, về nghiên cứu khoa học làm cơ

sở cho việc xây dựng Kế hoạch và đưa ra các biện pháp quản lý, bảo tồn và phát triển phù hợp cho từng loài, cho từng cộng đồng và từng địa phương cụ thể.

- Xác định diện tích và sự phân bố các loại Lâm sản ngoài gỗ trong kỳ kế hoạch. Có biện pháp quản lý, bảo vệ, sử dụng và phát triển các loại lâm sản cụ thể trên từng địa bàn xã, huyện. Trên cơ sở kế hoạch chung toàn tỉnh, lập kế hoạch bảo vệ và phát triển Lâm sản ngoài gỗ của từng huyện, xã để tổ chức triển khai thực hiện.

- Xây dựng các chương trình trồng Lâm sản ngoài gỗ thích hợp, trong đó tận dụng tối đa các vùng đất trống, đồi núi trọc. Huy động và khuyến khích mọi thành phần kinh tế, kể cả trong và ngoài nước tham gia đầu tư thông qua việc cho thuê đất dài hạn.

## **2. Giải pháp về quản lý, bảo vệ**

- Tổ chức ngăn chặn và xử lý tình trạng khai thác quá mức làm suy thoái, cạn kiệt các loài Lâm sản ngoài gỗ. Điều tra việc khai thác buôn bán trái phép Lâm sản ngoài gỗ trong vùng và qua các cửa khẩu trên địa bàn, có biện pháp xử lý nghiêm đối với các trường hợp vi phạm.

- Tuyên truyền nhằm đổi mới về mặt nhận thức của chính quyền các cấp, của cán bộ và nhân dân trong vùng về vai trò, về giá trị kinh tế của lâm sản ngoài gỗ, có sự phối hợp đồng bộ trong việc bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, khai thác và sử dụng các loài lâm sản ngoài gỗ một cách hiệu quả, bền vững.

## **3. Giải pháp về chế biến, thị trường tiêu thụ**

- Chú trọng đầu tư, phát triển cơ sở chế biến Lâm sản ngoài gỗ vừa và nhỏ, làng nghề thủ công truyền thống có sử dụng nguyên liệu Lâm sản ngoài gỗ; mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài nước, đẩy mạnh xúc tiến thương mại để xác định mặt hàng chủ lực làm cơ sở định hướng phát triển vùng nguyên liệu Lâm sản ngoài gỗ.

- Tổ chức mạng lưới khuyến nông về Lâm sản ngoài gỗ bao gồm cả chế biến, bảo quản sau thu hoạch và thị trường tiêu thụ. Hỗ trợ nghiên cứu đầu tư các dây chuyền chế biến đơn giản một số sản phẩm có giá trị kinh tế cao tại một số xã, vùng để giúp nâng cao chất lượng và giá thành các sản phẩm.

- Thiết lập thị trường tìm đầu ra cho sản phẩm Lâm sản ngoài gỗ, tổ chức dạy nghề tạo việc làm, khôi phục các làng nghề để cộng đồng cùng tham gia sản xuất các mặt hàng có giá trị kinh tế cao dùng cho tiêu thụ nội địa và xuất khẩu như: Đan lát mây tre đan mỹ nghệ xuất khẩu, đan cọt, làm nón lá, làm hương, ... tạo thu nhập ổn định cho cộng đồng dân cư sống gần rừng.

## **4. Giải pháp về cơ chế, chính sách**

- Khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng sau khi được giao đất, giao rừng tham gia bảo vệ, khai thác, gây trồng, chế biến và phát triển gây trồng, nuôi Lâm sản ngoài gỗ theo nguyên tắc bền vững và được chia sẻ lợi ích từ rừng.

- Hỗ trợ đầu tư ban đầu, cho vay tín dụng ưu đãi để phát triển Lâm sản ngoài gỗ phù hợp với từng loài, thời gian hoàn trả vốn vay khi có sản phẩm khai thác chính.

- Khuyến khích các hoạt động tái tạo Lâm sản ngoài gỗ trong rừng tự nhiên; trồng cây Lâm sản ngoài gỗ trong cơ cấu cây trồng rừng phòng hộ, rừng sản xuất, kể cả việc trồng thuần hoá Lâm sản ngoài gỗ trên diện tích đất nông nghiệp.

- Khuyến khích phát triển các cơ sở gây nuôi sinh sản hoặc trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật rừng được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật và có nhu cầu tiêu thụ trên thị trường quốc tế.

- Quy định rõ về quyền lợi, nghĩa vụ của người dân trong việc gây trồng, bảo tồn và phát triển Lâm sản ngoài gỗ. Tăng cường công tác khuyến lâm về Lâm sản ngoài gỗ.

- Tạo chính sách thông thoáng về lưu thông, tiêu thụ Lâm sản ngoài gỗ, mở rộng thị trường tiêu thụ Lâm sản ngoài gỗ theo các quy định hiện hành.

## **5. Giải pháp về khoa học và công nghệ**

- Nghiên cứu kỹ thuật về chọn, tạo giống, gây trồng, khai thác, sơ chế và bảo quản các sản phẩm Lâm sản ngoài gỗ, bổ sung nâng cao chất lượng giống và kỹ thuật trồng thâm canh.

- Đánh giá, phân loại Lâm sản ngoài gỗ theo thứ tự ưu tiên từ những loài có giá trị cao đến thấp theo từng địa phương để có phương án bảo tồn và phát triển.

- Những loài có giá trị đã và đang có nguy cơ bị tuyệt chủng cần nghiên cứu bảo tồn.

## **IV. Khái toán tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án**

Tổng kinh phí khái toán thực hiện Đề án: 406.068.000.000 đồng (*Bốn trăm linh sáu tỷ, không trăm sáu mươi tám triệu đồng*), trong đó:

- Vốn từ Ngân sách: 368.000.000 đồng, chiếm 0,1%.

- Vốn ODA (lồng ghép các chương trình, dự án): 3.328.000.000 đồng, chiếm 0,8% .

- Vốn từ các tổ chức, doanh nghiệp: 145.727.000.000 đồng, chiếm 35,9%

- Vốn từ hộ nông dân, vốn vay từ các tổ chức tín dụng: 256.176.000.000 đồng, chiếm 63,1% .

- Vốn khác: 470.000.000 đồng, chiếm 0,1 %.

## **V. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Chỉ đạo Ban quản lý các Dự án ODA ngành Nông nghiệp và PTNT - Chương trình UN-REDD Việt Nam giai đoạn II, tỉnh Hà Tĩnh chủ trì, phối hợp

với các cơ quan chuyên môn thuộc Sở, các Sở ngành, địa phương, đơn vị liên quan triển khai, theo dõi tình hình, báo cáo kết quả thực hiện Đề án.

- Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra việc triển khai, thực hiện các nội dung Đề án của các địa phương, đơn vị liên quan trong. Lồng ghép, cụ thể hoá các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư, các hoạt động cụ thể trong Kế hoạch hành động của Chương trình UN-REDD Việt Nam giai đoạn II, tỉnh Hà Tĩnh đã được UBND tỉnh phê duyệt.

- Định kỳ, phối hợp với UBND các huyện, thị xã tổng kết, đánh giá, báo cáo kết quả, tình hình thực hiện Đề án, kịp thời bổ sung, tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện, tham mưu báo cáo UBND tỉnh.

## **2. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong việc nghiên cứu khoa học về nhân giống, gây trồng, chế biến các loài Lâm sản ngoài gỗ; chú trọng các loài có nguy cơ tuyệt chủng, các loài đặc hữu, đặc sản có tiềm năng, lợi thế của tỉnh; nghiên cứu, chuyển giao quy trình khoa học công nghệ chế biến một số loài Lâm sản ngoài gỗ có giá trị kinh tế cao nhằm phục vụ cho công tác chế biến trong thời gian tới.

- Chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ về gây trồng và chế biến cho các doanh nghiệp và hộ nông dân.

## **2. Các Sở, ban ngành liên quan**

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở ngành, địa phương liên quan hướng dẫn các trình tự thủ tục về đất đai, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm làm căn cứ để thực hiện Đề án.

- Sở Công Thương: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành chức năng, UBND các huyện, thị xã, doanh nghiệp và người dân thực hiện tốt công tác xúc tiến thương mại, thương hiệu hàng hóa, thị trường xuất khẩu, tiêu thụ sản phẩm Lâm sản ngoài gỗ.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT nghiên cứu, đề xuất các giải pháp ứng dụng, chuyển giao, đề tài nghiên cứu, dự án khoa học công nghệ mới trong sản xuất Lâm sản ngoài gỗ, đặc biệt là việc ứng dụng công nghệ cao. Bảo hộ, phát triển tài sản trí tuệ của các sản phẩm Lâm sản ngoài gỗ.

- Sở Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành liên quan, các địa phương xây dựng các chương trình, kế hoạch ngân sách hàng năm, cân đối tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Đề án. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng, thẩm định, trình phê duyệt các chính sách có liên quan.

- Sở Y tế: Phối hợp Sở Nông nghiệp và PTNT, các huyện, thị trong việc bảo tồn, phát triển, chế biến và tiêu thụ các loài dược liệu từ Lâm sản ngoài gỗ.

## **3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã**



- Căn cứ các nội dung của Đề án đã được phê duyệt và tình hình thực tế của các địa phương, giao các phòng, cơ quan chuyên môn hướng dẫn, chỉ đạo UBND các xã, đơn vị liên quan trên địa, triển khai thực hiện Đề án có hiệu quả.

- Chỉ đạo các đơn vị chức năng trên địa bàn làm tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, chỉ đạo các chủ rừng phát triển Lâm sản ngoài gỗ, có cơ chế chính sách thông thoáng để thu hút các doanh nghiệp thu mua, chế biến Lâm sản ngoài gỗ, hỗ trợ nông dân về vốn vật tư kỹ thuật thúc đẩy gây trồng các loài Lâm sản ngoài gỗ.

#### **4. Các đơn vị chủ rừng, cơ sở chế biến**

- Căn cứ nội dung Đề án, các đơn vị xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh để bảo tồn và phát triển, khai thác có hiệu quả tiềm năng về Lâm sản ngoài gỗ của từng đơn vị.

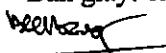
- Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án gây trồng gắn với chế biến Lâm sản ngoài gỗ; là dịch vụ tư vấn kỹ thuật, tiêu thụ nguyên liệu Lâm sản ngoài gỗ cho người dân.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Y tế; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TTr Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phó VP.UBND tỉnh (theo dõi nông lâm);
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu VT, NL<sub>3</sub>;
- Gửi: + Bản ĐT: các TP không nhận bản giấy;  
+ Bản giấy: các TP khác.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH



**Đặng Ngọc Sơn**

**Phụ lục 01: ĐỊNH HƯỚNG BẢO TỒN, PHÁT TRIỂN CÁC LOÀI LSNG QUÝ, CÓ GIÁ TRỊ KINH TẾ CAO, GIAI ĐOẠN 2016 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số: 1864 /QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của UBND tỉnh)

Thứ tự	Danh mục loài LSNG	Giai đoạn 2016 - 2025			
		Giải pháp	Đơn vị tính	Số lượng	Địa điểm quy hoạch bảo tồn, phát triển, nuôi trồng
	<b>Tổng cộng</b>			<b>3.800</b>	
<b>I</b>	<b>Nhóm cho sợi</b>			<b>600</b>	
1	Mây tắt	Phát triển	Ha	300	Tiểu khu 149A, 155A, 142, 197 xã Hương quang, huyện Vũ Quang; huyện Hương Sơn, Hương Khê, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh,
2	Mây nếp	Phát triển	Ha	300	Hương Sơn, Hương Khê, Vũ Quang, Kỳ Anh, Cẩm Xuyên
<b>II</b>	<b>Tinh dầu, nhựa mủ</b>			<b>900</b>	
1	Dó trầm	Phát triển	Ha	800	Xã Hà Linh, Hương Trà, Phúc Trạch và Hương Trạch, Phú Gia - huyện Hương Khê; xã Sơn Lộc, Thượng Lộc - huyện Can lộc
2	Xạ hương	Phát triển	Ha	100	Thạch Hà, Nghi Xuân, Cẩm Xuyên, Can Lộc
<b>III</b>	<b>Dược phẩm</b>			<b>1.000</b>	
1	Sa nhân	Phát triển	Ha	200	Huyện Hương Sơn, Hương Khê, Vũ Quang, Kỳ Anh, Cẩm Xuyên
2	Ba kích	Phát triển	Ha	300	Huyện Hương Sơn, Hương Khê
3	Hoàng đằng	Phát triển	Ha	500	Hương Sơn, Kỳ Anh, Vũ Quang, Hương Khê, Thạch Hà, Can Lộc, Đức Thọ, Nghi Xuân, Cẩm Xuyên
4	Mã đề cây	Phát triển			
5	Mã đề hạt	Phát triển			
6	Mạch môn	Phát triển			
7	Thục địa	Phát triển			
8	Trà hoa trắng	Phát triển			
9	Lá khôi	Phát triển			
10	Hoài sơn	Phát triển			
11	Nam tâm thất	Phát triển			
12	Kim tiền thảo	Phát triển			
13	Kim Ngân thảo	Phát triển			
14	Hương bài	Phát triển			

Thứ tự	Danh mục loài LSNG	Giai đoạn 2016 - 2025			
		Giải pháp	Đơn vị tính	Số lượng	Địa điểm quy hoạch bảo tồn, phát triển, nuôi trồng
<b>IV</b>	<b>Thực phẩm</b>			<b>1.300</b>	
1	Dẻ	Phát triển	Ha	500	Hương Sơn, Kỳ Anh, Vũ Quang, Hương Khê, Thạch Hà, Can Lộc, Đức Thọ, Nghi Xuân
2	Gừng	Phát triển	Ha	500	Hương Sơn, Kỳ Anh, Vũ Quang, Hương Khê, Thạch Hà, Can Lộc, Đức Thọ, Nghi Xuân
3	Trám	Phát triển	Ha	300	Vũ Quang, Hương Khê, Hương Sơn, Kỳ Anh, Cẩm Xuyên
<b>V</b>	<b>SP Khác</b>			<b>44.500</b>	
1	Hươu sao	Phát triển, khai thác	Con	40.000	Hương Sơn, Kỳ Anh, Vũ Quang, Hương Khê, Thạch Hà, Can Lộc, Đức Thọ, Nghi Xuân
2	Lợn rừng	Phát triển, khai thác	Con	3.000	Can Lộc, Kỳ Anh, TP Hà Tĩnh, Nghi Xuân, Hương Sơn, Hương Khê, Vũ Quang
3	Rắn ráo trâu	Phát triển, khai thác	Con	1.500	Hương Sơn, Kỳ Anh, Vũ Quang, Hương Khê, Thạch Hà, Can Lộc, Đức Thọ, Nghi Xuân

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*(Signature)*

**Phu lục 02: TIÊU CHƯƠNG TRÌNH SẢN XUẤT LÂM SẢN NGOÀI GỖ GIAI ĐOẠN 2016 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số: 1864/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của UBND tỉnh)

TT	Các hoạt động	Chỉ tiêu/Kết quả	Vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn (%)				
				NSNN (TW,	Nguồn ODA	HGD	Tổ chức /DN	Khác
	<b>Tổng cộng</b>		<b>397.968</b>					
<b>1</b>	<b>Gây trồng một số loài LSNG có thể mạnh</b>	<b>Trồng 3.800 ha các loại LSNG</b>	<b>111.518</b>					
-	Dó trăm	Trồng 800 ha	33.088			100		
-	Dẻ ăn quả	Trồng 500 ha	20.680			10	90	
-	Mây nếp	Trồng 300 ha	375			30	70	
-	Mây tắt	Trồng 300 ha	375			30	70	
-	Cây dược liệu, thực phẩm	Trồng 1.900 ha	57.000			40	60	
<b>2</b>	<b>Phát triển chăn nuôi một số loài LSNG</b>		<b>286.450</b>					
-	Hươu sao	40.000 con	280.000			70	30	
-	Lợn rừng	3000 con	6.000			20	80	
-	Rắn ráo trâu	1500 con	450			50	50	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*(Chữ ký)*

**Phu lục 03: TIÊU CHƯƠNG TRÌNH BẢO TỒN LÂM SẢN NGOÀI GỖ GIAI ĐOẠN 2016 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 1864 /QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của UBND tỉnh)

TT	Các hoạt động	Chỉ tiêu/Kết quả	Vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn (%)				
				NSNN (TW,	Nguồn ODA	HGD	Tổ chức /DN	Khác
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>1.500</b>					
1	Điều tra đánh giá hiện trạng LSNG quý, hiếm hiện có, cần bảo tồn	02 Báo cáo đánh giá chi tiết (Vườn Quốc gia Vũ Quang, Khu BTTN Kè	400	5.0	20.0		75.0	
2	Xây dựng bản đồ quy hoạch về bảo tồn một số loài LSNG quý hiếm	01 Bản đồ quy hoạch được phê duyệt	100	5.0	20.0		75.0	
3	Xây dựng các hình thức quản lý, bảo tồn LSNG ở các chủ thể quản lý rừng khác	Vườn Quốc gia Vũ Quang, Khu BTTN Kè Gỗ	1.000	5.0	45.0		50.0	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*[Handwritten signature]*

**Phu lục 04: TIÊU CHƯƠNG TRÌNH CHẾ BIẾN, THƯƠNG MẠI VÀ THỊ TRƯỜNG LÂM SẢN NGOÀI GỖ GIAI ĐOẠN 2016 - 2025**  
 (Kèm theo Quyết định số: 1864 /QĐ-UBND ngày 3 / 7 /2017 của UBND tỉnh)

TT	Các hoạt động	Chỉ tiêu/kết quả	Vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn (%)				
				NSNN (TW, tỉnh)	Nguồn ODA	HGD	Tổ chức /DN	Khác
	<b>Tổng cộng:</b>		<b>3.450</b>					
1	Quy hoạch các làng nghề gắn với vùng nguyên liệu	01 Báo cáo quy hoạch được phê duyệt	800	5.0	50.0		30.0	15.0
2	Tăng cường xúc tiến thương mại quảng bá sản phẩm	2 - 3 Hiệp hội được thành lập	450	5.0	45.0		30.0	20.0
3	Tăng cường năng lực tiếp thị LSNG cho cộng đồng	Tổ chức các hội chợ, triển lãm	1000	5.0	50.0		30.0	15.0
4	Dự báo nhu cầu một số loài LSNG chủ yếu của tỉnh	01 Báo cáo đánh giá và dự báo nhu cầu LSNG	600	10.0	50.0		40.0	
5	Xây dựng chiến lược quảng bá, tiếp thị sản phẩm, đăng ký thương hiệu LSNG	01 Bản chiến lược được ngành chủ quản phê duyệt	600		20.0	15.0	60.0	5.0

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Khuân*

**Phu lục 05: TIÊU CHƯƠNG TRÌNH NGHIÊN CỨU, ĐÀO TẠO VÀ KHUYẾN LÂM GIAI ĐOẠN 2016 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số: 1864 /QĐ-UBND ngày 03/7/2017 của UBND tỉnh)

TT	Các hoạt động	Chỉ tiêu/kết quả	Vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn (%)				
				NSNN (TW,	Nguồn ODA	HGD	Tổ chức /DN	Khác
	<b>Tổng cộng</b>		<b>3.000</b>					
1	Tập huấn nghiệp vụ quản lý bảo vệ LSNG	01 lớp cấp tỉnh, 13 lớp cấp huyện/thị. Nâng cao nhận thức cho cán bộ Kiểm lâm, lâm nghiệp, khuyến nông, khuyến lâm và cán bộ xã	300		50.0		50.0	
2	Xây dựng mô hình nuôi trồng, chế biến và bảo quản một số loài LSNG	Xây dựng 04 mô hình/04 loài điển hình	800		30.0	30.0	30.0	10.0
3	Nghiên cứu ứng dụng về nhân giống, nuôi trồng một số loài LSNG có giá trị kinh tế cao đang có nguy cơ giảm về số lượng và chất lượng loài	Xây dựng 03 đề tài ứng dụng	900	5.0	50.0		45.0	
4	Tổ chức hội thảo khoa học về bảo vệ và phát triển những loài LSNG chủ yếu	04 cuộc hội thảo	200		50.0		50.0	
5	Tổ chức tham quan học tập mô hình trong và ngoài tỉnh. Tuyên truyền về LSNG	12 chuyến trong tỉnh, 03 chuyến ngoài tỉnh	800		30.0	30.0	40.0	

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*(Chữ ký)*

**Phụ lục 06: TIÊU CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH SÁCH VÀ THÈ CHẾ VỀ LÂM SẢN NGOÀI GỖ GIAI ĐOẠN 2016 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số: 1864 /QĐ-UBND ngày 03/ 7/2017 của UBND tỉnh)

TT	Các hoạt động	Chỉ tiêu/kết quả	Vốn (triệu đồng)	Nguồn vốn (%)				
				NSNN (TƯ,	Nguồn ODA	HGD	Tổ chức /DN	Khác
	<b>Tổng cộng</b>		<b>150</b>		<b>50.0</b>	<b>50.0</b>		
1	Ban hành chính sách đầu tư nhằm khuyến khích bảo tồn, phát triển LSNG	Quyết định hỗ trợ đầu tư	100	50.0	50.0			
2	Chính sách hỗ trợ giống, vật tư phát triển LSNG	Quyết định hỗ trợ đầu tư	50	50.0	50.0			

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

